

Số: 12/2019/QĐST-HNGĐ

B, ngày 11 tháng 4 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 12/2019/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Di Văn B**. Sinh năm 1996. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Phố N, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

- Bị đơn: Chị **Lâm Thị T**. Sinh năm 1996. Nơi ĐKKHKT: Thôn K, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Chỗ ở hiện nay: Phố N, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 107 và 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 4 năm 2019,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Di Văn B và chị Lâm Thị T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Di Văn B và chị Lâm Thị T thuận tình ly hôn.

2.2. *Về con chung:* Anh Di Văn B và chị Lâm Thị T có 02 con chung là Di Quang V sinh ngày 18/6/2012 và Di Quỳnh V, sinh ngày 21/4/2014, hai con đều khỏe mạnh, phát triển bình thường. Sau ly hôn, anh Di Văn B được trực tiếp

nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Di Quang V đến khi con chung đủ 18 tuổi, chị Lâm Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Di Quỳnh V đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Di Văn B và chị Lâm Thị T đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh B và chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.3. *Về tài sản chung:* Anh Di Văn B và chị Lâm Thị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. *Về vay nợ chung:* Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. *Về án phí:* Anh Di Văn B tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí mà anh B đã nộp theo biên lai thu số 08642 ngày 01/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Hoàn lại cho anh B số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), chị Lâm Thị T không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND H. B;
- Chi cục THADS H. B;
- UBND thị trấn P;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thế Doanh